TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 47

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Giá trị của chữ số 1 trong số 9 613 879 là:

A. 1 **B.** 1000 **C.** 10 000 **D.** 100 000

Câu 2. Dãy số 26, 30, 34, ……, 114 có bao nhiêu số?

A. 25 **B.** 22 **C.** 23 **D.** 24

Câu 3. Kho thứ nhất có 1730 kg thóc, kho thứ hai có gấp 2 lần kho thứ nhất, kho thứ ba ít hơn kho thứ hai 502 kg. Cả ba kho có:

A. 9152 kg **B.** 5190 kg **C.** 2958 kg **D.** 8148 kg

Câu 4. Tổng của hai số là 3692, hiệu của chúng là 1448. Số lớn là:

A. 2570 **B.** 4018 **C.** 2244 **D.** 1122

Câu 5. Năm 1896 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XIX **B.** thế kỉ XX **C.** thế kỉ XVII **D.** thế kỉ XVIII

Câu 6. Hình bình hành ABCD có AB = 27 cm, BC = 3 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 108 cm **B.** 30 cm **C.** 60 cm **D.** 81 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 748 306, 746 308, 738 406, 848 306, 748 603.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 5 với a = 8305, b = 759: ……

b) m − n + p với m = 51 878, n = 12 981, p = 5821: ……

c) (x + 3388) × 2 với x = 700: ……

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 7 tấn 500 kg …… 5700 kg

b) 6 m^2 5 dm^2 …… 65 dm^2

c) 4 thế kỉ …… 400 năm

d) 987 220 …… 977 220

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7 tấn 71 kg = ……. kg

b) 2 tạ = ……. yến

c) 5 m^2 44 dm^2 = ……. dm^2

d) 5 phút 25 giây = ……. giây

Bài 5. Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 33 cm, chiều rộng 8 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số cặp cạnh song song: …….

b) Số cặp cạnh vuông góc: …….

c) Diện tích hình chữ nhật: ……. cm^2

Bài 6. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 140 m, chiều dài hơn chiều rộng 22 m. Tính chiều dài, chiều rộng và diện tích mảnh vườn.

a) Chiều dài: ……. m

b) Chiều rộng: ……. m

c) Diện tích: ……. m^2

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 47

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	D	A	A	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 848 306, 748 603, 748 306, 746 308, 738 406

b) 848 306 − 738 406 = 109 900

Bài 2.

a) 8305 + 759 × 5 = 8305 + 3795 = 12 100

b) 51 878 − 12 981 + 5821 = 38 897 + 5821 = 44 718

c) (700 + 3388) × 2 = 4088 × 2 = 8176

Bài 3.

a) 7500 > 5700

b) 605 > 65

c) 400 = 400

d) 987 220 > 977 220

Bài 4.

a) 7000 + 71 = 7071

b) 1 tạ = 10 yến: 20

c) 500 + 44 = 544

d) 5 × 60 + 25 = 325

Bài 5.

a) AB // DC, AD // BC: 2 cặp

b) Bốn góc vuông: 4 cặp cạnh vuông góc

c) 33 × 8 = 264 (cm²)

Bài 6.

Nửa chu vi: 140 : 2 = 70 (m)

Chiều dài: (70 + 22) : 2 = 46 (m)

Chiều rộng: 46 − 22 = 24 (m)

Diện tích: 46 × 24 = 1104 (m²)